

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày: 25 -8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Miện;
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TT;

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Đường N, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức TH D, chức vụ: Tổng Giám đốc; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn Q, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Bà Rịa–Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền số 3911/2019/GUQ - PL ngày 16-12-2019 của Ngân hàng TT); (vắng mặt).

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Bà Châu Ngọc Kiều H, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro; địa chỉ: 67A Đường P, Phường S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền số 441/2020/GUQ - CNBRVT ngày 19-5-2020 của Ngân hàng TT); (bà H có đơn xin xét xử vắng mặt)..

2. Bị đơn: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1965; (vắng mặt).

Nơi cư trú: 102/5/4 Đường P, Phường F, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong Q trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Châu Ngọc Kiều H trình bày:

Ngày 14-5-2018, Ngân hàng TT (gọi tắt là Ngân hàng) ký kết với ông Trần Mạnh T Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018), chi tiết khoản vay tín dụng thẻ tín dụng của ông T: Số thẻ: 472074-2425, số tài khoản thẻ: 3262255817, Hạn mức thẻ: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất thẻ: 2.6%/tháng, mục đích sử dụng thẻ tín dụng là vay tiêu dùng cá nhân. Trong Q trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 32.900.000đ (Ba hai triệu chín trăm ngàn đồng); đã thanh toán được 15.875.000đ (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Bắt đầu từ ngày 23-5-2019, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Chín mươi (90) ngày liên tục kể từ ngày 23-5-2019 ông T không thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận, Ngân hàng tính lãi suất Q hạn đối với ông T kể từ ngày 23-8-2019.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, thông báo, yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông T không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 41.393.050đ (*Bốn mươi một triệu ba trăm chín mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 27.973.948đ (*Hai mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng*), tiền lãi trong hạn 8.946.068đ (*Tám triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm sáu mươi tám đồng*), tiền lãi Q hạn là 4.473.034đ (*Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn không trăm ba mươi tư đồng*).

Bị đơn ông Trần Mạnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong Q trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TT có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Mạnh T trả nợ theo hợp đồng đã giao kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 35 và điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông T cung cấp địa chỉ 102/5/4 Đường P, Phường F, thành phố V. Sau đó, ông T thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ nhưng không thông báo cho nguyên đơn là vi phạm Khoản 3, Điều 40; điểm b, Khoản 2, Điều 277 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn cố tình dấu địa chỉ theo hướng dẫn tại điểm a, Khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018 thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018 giữa Ngân hàng TT chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu với ông T được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Ngân hàng yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018 tính đến hết ngày 25-8-2020 là 41.393.050 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 25-8-2020 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét bảng hoạt động tài khoản số thẻ 472074-2425 của ông T, đơn khởi kiện và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, phiếu tính lãi chi tiết đến hết ngày 25-8-2020 thì ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ theo hợp đồng tín dụng 14-5-2018 là 15.875.000đ (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Từ ngày 23-5-2019 đến nay, ông Vinh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018 đã ký kết.

Mặc dù, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông T nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định Ngân hàng với ông T có ký hợp tín dụng 14-5-2018 và ông T còn nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 25-8-2020 như ý kiến, yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2020 kèm Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ; Quyết định số 2399/2019/QĐ-TGD ngày 06-8-2019 về Lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền 41.393.050 đồng, trong đó nợ gốc là 27.973.948 đồng, lãi Q hạn là 8.946.068 đồng, tiền lãi Q hạn là 4.473.034 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Mạnh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 của Bộ Luật dân sự;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT.

Buộc ông Trần Mạnh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền 41.393.050đ (*Bốn mươi một triệu ba trăm chín mươi ba ngàn không trăm năm mươi đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 27.973.948đ (*Hai mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng*), tiền lãi trong hạn 8.946.068đ (*Tám triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm sáu mươi tám đồng*), tiền lãi Q hạn là 4.473.034đ (*Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn không trăm ba mươi tư đồng*) tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (25-8-2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Mạnh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi Q hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng ngày 14-5-2018, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Mạnh T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 2.069.000đ (*Hai triệu không trăm sáu mươi chín ngàn đồng*).

Ngân hàng TT không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng TT số tiền 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TT đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001587 ngày 08-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Nếu không đồng ý với bản án này, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đắc Liệt

Vũ Xuân Miện

Lê Thị Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trà My